

**BỔ SUNG MỘT LOÀI THUỘC CHI SONG BÉ - *PARABOEA* (C. B. Clarke) Ridl.,
HỌ GESNERIACEAE Ở VIỆT NAM**

VŨ XUÂN PHƯƠNG, ĐỖ THỊ XUYẾN
Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật

Theo W. T. Wang *et al.* (1998) chi Song bé (*Paraboea* (C. B. Clarke) Ridl.) có khoảng 87 loài phân bố ở các nước Đông Nam Á, Trung Quốc, Bhutan. Ở Việt Nam, các loài sau này được xếp vào chi Song bé (*Paraboea*) trước đây đã được F. Pellegrin (1930) xếp vào các chi *Boea* và *Clamydoboaea* với 11 loài (trong tổng số 14 loài có ở Đông Dương). Theo Phạm Hoàng Hộ (2000) chi *Paraboea* có 10 loài. Theo Vũ Xuân Phương (2005), chi *Paraboea* có 10 loài, 3 thứ. Trong quá trình nghiên cứu các tài liệu và mẫu vật của chi này ở Việt Nam, chúng tôi đã phát hiện được 1 loài mới *Paraboea glutinosa* bổ sung cho Hệ thực vật Việt Nam. Loài này trước đây chỉ được ghi nhận có ở Myanmar và Trung Quốc (Quảng Tây, Quảng Châu, Vân Nam). Bên cạnh một số loài bổ sung mới cho hệ thực vật Việt Nam, danh pháp một số taxon hiện trở thành tên đồng nghĩa đã được nhập lại, danh pháp một số taxon khác đã thay đổi nên cho đến nay chi Song bé (*Paraboea*) ở Việt Nam được ghi nhận có 16 loài.

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng

Đối tượng nghiên cứu là các đại diện của chi *Paraboea* (C. B. Clarke) Ridl. ở Việt Nam bao gồm các mẫu tiêu bản được lưu giữ tại các phòng tiêu bản thực vật của Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật (HN), Viện Sinh học Nhiệt đới (VNM), Viện Dược liệu (HNPI), Trường Đại học Khoa học tự nhiên (HNU), Viện Thực vật Côn Minh, Trung Quốc (KUN), Viện Thực vật Hoa Nam, Trung Quốc (SBCI), Bảo tàng Lịch sử Tự nhiên Paris, Pháp (P) và các mẫu tươi thu được trong các chuyến điều tra thực địa.

2. Phương pháp

Chúng tôi đã áp dụng phương pháp nghiên cứu so sánh hình thái để phân loại. Đây là phương pháp truyền thống được sử dụng phổ biến trong phân loại thực vật. Dựa vào đặc điểm hình thái của các cơ quan sinh dưỡng và cơ quan sinh sản để so sánh, trong đó chủ yếu dựa vào đặc điểm của cơ quan sinh sản vì đây là cơ quan ít biến đổi và ít chịu tác động của các điều kiện môi trường bên ngoài.

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đặc điểm của loài *Paraboea glutinosa* (Hand.-Mazz.) K. Y. Pan – Song bé dính

K. Y. Pan, 1997. *Novon*, 7: 431; id, 1998. *Fl. China*, 18: 366; Z. R. Xu *et al.* 2008. *Edinb. Journ. Bot.* 65(2): 233 ; Y. G. Wei & al. 2010. *Gesn. S. China*: 630.

– *Boea glutinosa* Hand.-Mazz. 1936. *Sinensia*, 7: 620.

Cỏ hay nửa bụi, sống nhiều năm, thân ngắn. Lá mọc đối, thường chụm lại ở đỉnh, hiếm khi mọc rải rác dọc thân, hình bầu dục, hình trứng hay trứng ngược, cỡ 7-18 x 3-9 cm, mỏng; chóp lá tù hay có mũi nhọn; gốc lá lệch, thuôn, men xuống cuống, mép lá nguyên hay có răng nhỏ, mặt trên gần như nhẵn hay có lông len ngắn; mặt dưới có lông dày dạng thảm; gân bên (7)10-14 đôi; cuống lá dài 3-7 cm. Cụm hoa xim hình chùy ở đỉnh hay nách lá dưới góc, cỡ 40-60 x 20-40 cm; cuống của cụm hoa dài 7-17 cm, có lông len hay gần như nhẵn; lá bắc hình trứng hay

trứng ngược, cỡ 3-5 x 1-2 mm, có lông. Hoa có cuống dài 1-3 cm. Đài 5 thùy, xẻ sâu tới gốc, thùy cỡ 1,8-3 x 0,5-1 mm, có lông tuyến hay nhẵn. Tràng màu trắng tới màu hồng hay tím hoa cà, dài cỡ 10-20 mm, nứt ngoài nhẵn hay có lông rải rác; ống tràng dài 5-10 mm; phiến tạo thành 2 môi: môi trên 2 thùy, cỡ 2-3 x 2,5-3,5 mm; môi dưới 3 thùy, cỡ 2,5-3 x 3-3,5 mm. Nhị hữu thụ 2, chụm lại ở bao phấn, thụt trong tràng, chỉ nhị dài 7-9 mm, nhẵn hay có lông tuyến, bao phấn dài 2-3 mm; nhị bất thụ dài 1-2 mm. Nhụy dài 7-9 mm, nhẵn; bầu dài 4-5 mm; vòi nhụy dài 3-4 mm; núm nhụy hình đầu, hơi rộng. Quả nang hình đường, cỡ 3,5-5 x 0,15 cm, nhẵn, khi chín mở xoắn vặn. Hạt hình bầu dục, dài khoảng 1 mm.

Loc. class.: China, Kwangsi. **Typus:** R. C. Ching 6317 (WU).

Sinh học và sinh thái: Mùa hoa quả tháng 6-10. Gặp ở rừng núi đất và núi đá có độ dốc không lớn, nơi ẩm, ở độ cao 600-1500 m.

Phân bố: Cao Bằng (Trà Lĩnh), Nghệ An (Quỳ Châu, Phủ Quỳ). Còn có ở Myanmar, Trung Quốc, Campuchia.

Mẫu nghiên cứu: CAO BẰNG, VH 4917 (HN). – NGHỆ AN, Poilane 16562 (P).



Paraboea glutinosa (Hand.-Mazz.) K. Y. Pan

1. Cây mang hoa và quả; 2. Một phần cụm hoa; 3. Quả
(hình vẽ theo mẫu VH 4917, HN; người vẽ Lê Kim Chi)

Ghi chú: Loài này gần với loài *P. swinboei* nhưng khác bởi đặc điểm có thân ngắn, lá thường mọc chụm ở đỉnh, hiếm khi mọc dọc theo thân, tràng dài 10-20 mm. Trong khi *P. swinboei* mang đặc điểm cây có thân dài, lá luôn mọc dọc theo thân, không chụm lại ở đỉnh, tràng dài 6-7 mm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Burt B. L. & K. Tan**, 1984: Studies in the Gesneriaceae of the old world XLVIII. Calcium accumulation and excretion in *Paraboea*. Notes Roy. Bot. Gard. Edinburgh 41(3): 453-456.

2. **Burt B. L.**, 1954: Studies in the Gesneriaceae of the old world I. General introduction, II. Types and Lectotypes of certain genera and groups of lower rank. Notes Roy. Bot. Gard. Edinburgh 21(4): 185-208.
3. **Nguyễn Tiến Bản**, 2005: Danh lục các loài thực vật ở Việt Nam, 3: 235-246. NXB. Nông nghiệp, Hà Nội.
4. **Pellegrin F. in H. Lecomte**, 1930: Flore Générale de l'Indo-chine, 4: 487-565, Paris.
5. **Phạm Hoàng Hộ**, 2000: Cây cỏ Việt Nam, 3: 12-29, NXB. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
6. **Wang W. T., Pan K. Y., Z. Y. Li**, 1990: Flora Reipublicae Popularis Sinicae, 69: 125-581, Science Press, Beijing.
7. **Wang W. T., Pan K. Y., Z. Y. Li, A. L. Weitzman, L. E. Skog**, 1998: Flora of China, 18: 244-499.
8. **Wei Y.G. et al.**, 2010: Gesneriaceae of South China. Guangxi, Naning: Guangxi Sci. Tec. Press: 346-606.
9. **Xu Z. R., B. L. Burt**, 1991: Towards a revision of *Paraboea* (Gesneriaceae). Edinburgh Journ. Bot. 48: 1-18.
10. **Xu Z. R., B. L. Burt, L. E. Skog, D. J. Middleton**, 2008: A revision of *Paraboea* (Gesneriaceae). Edinburgh Journ. Bot. 65(1): 161-347.

**A NEW RECORD SPECIES OF THE GENUS *PARABOEAE* (C. B. Clarke) Ridl.
(GESNERIACEAE Dumort) FOR THE FLORA OF VIETNAM**

VU XUAN PHUONG, DO THI XUYEN

SUMMARY

According to Wang *et al.* (1998), the genus *Paraboea* (C. B. Clarke) Ridl. consists of 87 species distributing mainly in the Southeast Asia, China and Bhutan. Only 15 *Paraboea* species have been recorded in Vietnam, so far. While studying specimens of Gesneriaceae collected from Vietnam, the species *Paraboea glutinosa* is first recorded for the flora of Vietnam. This species was only previously known in China and Myanmar.

Paraboea glutinosa with important characteristic, such as plant subshrub or herb, leaves opposite, mostly crowded on apex of stem or rare spread along stem; inflorescences in terminal or axillary; corolla ca 10-20 mm long, tube 5-10 mm long; pistil glabrous, capsule spirally twisted, glabrous. *Paraboea glutinosa* is close to *P. swinboei*, however, differs from the later in that stem short, leaves mostly crowded near apex of stem or rare spread along stem, corolla ca. 10-20 cm long. Besides, *P. swinboei* has a long stem, leaves usually spread along stem, corolla ca. 6-7 cm long. Voucher specimens were collected from Tra Linh district, Cao Bang province, and, currently, deposited in the Herbarium belonging to the Institute of Ecology and Biological Resources, Hanoi, Vietnam (HN), and in Quy Chau district, Nghe An province, deposited in Herbarium of the Paris, France (P).